

Họ tên : ..... Số báo danh : .....

**Mã đề 001**

**Câu 41:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết đô thị nào dưới đây có quy mô dân số từ 200001 - 500000 người?

- A. Cần Thơ.                      B. Quy Nhơn.                      C. Biên Hòa.                      D. Hà Nội.

**Câu 42:** Từ năm 2005, chiếm hơn 70% trong cơ cấu sản lượng điện phân theo nguồn của nước ta là

- A. điện gió.                      B. thủy điện.                      C. điện mặt trời.                      D. nhiệt điện.

**Câu 43:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết nhà máy thủy điện nào sau đây thuộc Tây Nguyên?

- A. Yaly.                      B. Vĩnh Sơn.                      C. A Vương.                      D. Sông Hinh.

**Câu 44:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ số 8 đi qua cửa khẩu nào sau đây?

- A. Tây Trang.                      B. Nậm Cắn.                      C. Cha Lo.                      D. Cầu Treo.

**Câu 45:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết lưu lượng nước trung bình sông Hồng cao nhất vào tháng nào?

- A. Tháng IX.                      B. Tháng VII.                      C. Tháng X.                      D. Tháng VIII.

**Câu 46:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết tuyến đường số 19 đi qua đèo nào sau đây?

- A. Đèo An Khê.                      B. Đèo Phụng Hoàng.  
C. Đèo Cả.                      D. Đèo Ngoạn Mục.

**Câu 47:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết quốc lộ 8 nối liền với khu kinh tế cửa khẩu nào sau đây?

- A. A Đớt.                      B. Lao Bảo.                      C. Cha Lo.                      D. Cầu Treo.

**Câu 48:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở đồng bằng sông Hồng có giá trị sản xuất trên 120 nghìn tỉ đồng?

- A. Hải Phòng.                      B. Phúc Yên.                      C. Hà Nội.                      D. Hải Dương.

**Câu 49:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết trâu được nuôi nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

- A. Hà Tĩnh.                      B. Nghệ An.                      C. Quảng Bình.                      D. Quảng Trị.

**Câu 50:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào sau đây thuộc miền khí hậu phía Bắc?

- A. Nam Bộ.                      B. Bắc Trung Bộ.                      C. Nam Trung Bộ.                      D. Tây Nguyên.

**Câu 51:** Đông Nam Bộ dẫn đầu cả nước về diện tích gieo trồng cây công nghiệp nào sau đây?

- A. Dừa.                      B. Chè.                      C. Cao su.                      D. Cà phê.

**Câu 52:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây có công suất trên 1000 MW?

- A. Thủ Đức.                      B. Trà Nóc.                      C. Bà Rịa.                      D. Phú Mỹ.

**Câu 53:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch nào sau đây ở đồng bằng sông Cửu Long có ý nghĩa vùng?

- A. Kiên Giang.                      B. Đồng Tháp.  
C. Cần Thơ.                      D. Cà Mau.

**Câu 54:** Vùng đất Việt Nam bao gồm

- A. toàn bộ phần đất liền giáp biển.  
B. phần đất liền giới hạn theo đường biên giới trên đất liền.  
C. phần đất liền giới hạn theo đường biên giới và đường bờ biển.  
D. toàn bộ phần đất liền và các đảo.

**Câu 55:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành sản xuất vật liệu xây dựng?

- A. Tân An.                      B. Long Xuyên.                      C. Kiên Lương.                      D. Mỹ Tho.

**Câu 56:** Khí hậu có mùa đông lạnh là điều kiện thể mạnh đặc biệt để Trung du và miền núi Bắc Bộ phát

triển các loại cây công nghiệp có nguồn gốc

A. cận nhiệt và ôn đới.

C. cận nhiệt và nhiệt đới.

B. ôn đới và nhiệt đới.

D. cận nhiệt, cận xích đạo.

**Câu 57:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4-5, cho biết tỉnh nào sau đây **không** giáp Cam-pu-chia?

A. Quảng Nam.

B. Đắk Lắk.

C. Kon Tum.

D. Gia Lai.

**Câu 58:** Khu vực nào sau đây có mức độ tập trung công nghiệp vào loại cao nhất nước ta?

A. Duyên hải miền Trung.

B. Đông Nam Bộ.

C. Đồng bằng sông Cửu Long.

D. Đồng bằng sông Hồng và các vùng phụ cận.

**Câu 59:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, hãy cho biết trung tâm kinh tế nào có quy mô lớn nhất ở vùng Đông Nam Bộ?

A. TP. Hồ Chí Minh.

B. Thủ Dầu Một.

C. Biên Hòa.

D. Bà Rịa Vũng Tàu.

**Câu 60:** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có giá trị sản xuất công nghiệp từ 40 đến 120 nghìn tỉ đồng?

A. Đà Nẵng.

B. Biên Hòa.

C. Cà Mau.

D. Cần Thơ.

**Câu 61:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vấn đề lao động nước ta hiện nay?

A. Quỹ thời gian lao động trong nông nghiệp ở nông thôn chưa được sử dụng triệt để.

B. Quá trình phân công lao động xã hội chậm chuyển biến.

C. Năng suất lao động xã hội ngày càng tăng, đã ngang với thế giới.

D. Chất lượng lao động ngày càng được nâng lên.

**Câu 62:** Trong cơ cấu ngành kinh tế nước ta, khu vực I có sự chuyển dịch theo hướng nào sau đây?

A. Tăng tỉ trọng ngành nông nghiệp và ngành thủy sản.

B. Giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỉ trọng ngành thủy sản.

C. Giảm tỉ trọng ngành thủy sản, tăng tỉ trọng ngành nông nghiệp.

D. Giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp và ngành thủy sản.

**Câu 63:** Năng suất lúa nước ta những năm qua tăng mạnh là do áp dụng các biện pháp nào sau đây?

A. Mở rộng diện tích, tăng vụ.

B. Đẩy mạnh xen canh, tăng vụ.

C. Thâm canh, sử dụng giống mới.

D. Thâm canh, mở rộng diện tích.

**Câu 64:** Nguyên nhân nào sau đây được xem là chủ yếu làm cho kim ngạch xuất khẩu của nước ta liên tục tăng lên?

A. Nâng cao chất lượng sản phẩm.

B. Tổ chức sản xuất hợp lí.

C. Tăng cường sản xuất hàng hóa.

D. Mở rộng và đa dạng hóa thị trường.

**Câu 65:** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với hoạt động giao thông vận tải đường ô tô ở nước ta hiện nay?

A. Mạng lưới rộng khắp và nhiều tuyến cao tốc.

B. Đã hội nhập vào hệ thống đường bộ khu vực.

C. Chỉ vận chuyển hàng hóa xuất và nhập khẩu.

D. Vận chuyển được số lượng lớn hành khách.

**Câu 66:** Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2019

| Quốc gia                           | In-đô-nê-xi-a | Cam-pu-chia | Ma-lai-xi-a | Phi-lip-pin |
|------------------------------------|---------------|-------------|-------------|-------------|
| Diện tích (nghìn km <sup>2</sup> ) | 1916,9        | 181,0       | 330,8       | 300,0       |
| Dân số (triệu người)               | 270,6         | 16,4        | 31,9        | 108,1       |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo bảng số liệu, cho biết quốc gia nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất?

A. Phi-lip-pin.

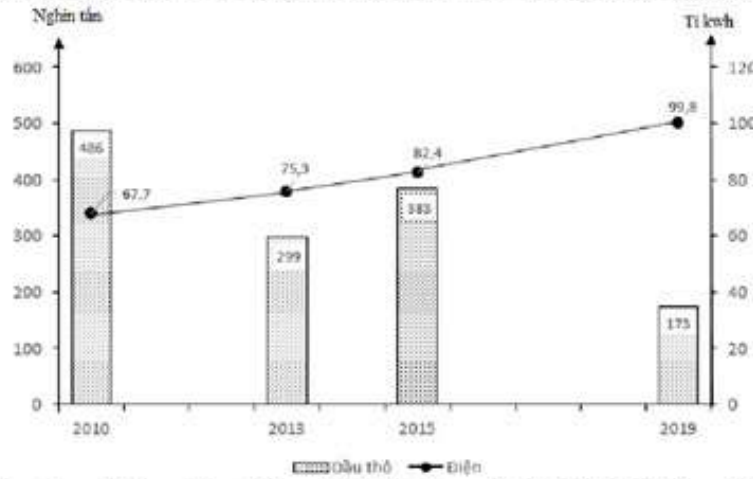
B. In-đô-nê-xi-a.

C. Ma-lai-xi-a.

D. Cam-pu-chia.

**Câu 67:** Cho biểu đồ

**SẢN LƯỢNG DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA PHI-LIP-PIN, GIAI ĐOẠN 2010 - 2019**



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng dầu thô và điện của Phi-lip-pin, năm 2019 so với năm 2010

- A. Điện tăng nhanh, dầu thô giảm.
- B. Dầu thô giảm liên tục, điện tăng.
- C. Điện tăng liên tục, dầu tăng lên.
- D. Dầu thô tăng, điện giảm nhanh.

**Câu 68:** Việc khai thác nguồn lợi thủy sản xa bờ của nước ta, ngoài việc đem lại hiệu quả kinh tế cao, còn có ý nghĩa

- A. giữ vững chủ quyền biển, đảo nước ta.
- B. tạo nguồn hàng cho xuất khẩu.
- C. đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.
- D. tận dụng nguồn tài nguyên đất nước.

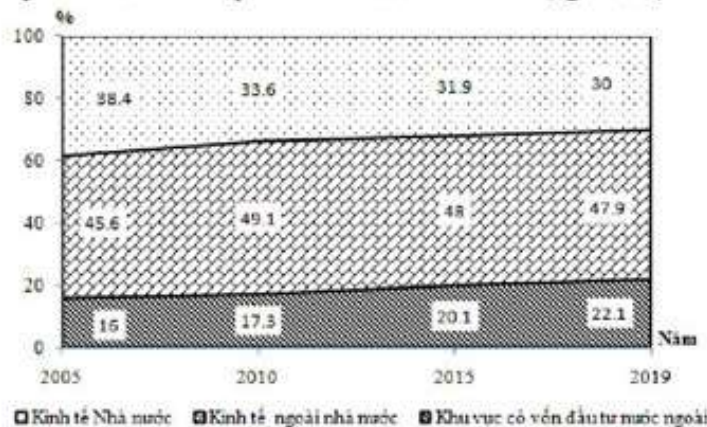
**Câu 69:** Tỉ lệ dân số đô thị nước ta còn thấp đã chứng tỏ

- A. quá trình đô thị hóa diễn ra chậm.
- B. điều kiện sống ở nông thôn cao.
- C. điều kiện sống ở thành thị thấp.
- D. nông nghiệp nước ta phát triển mạnh mẽ.

**Câu 70:** Tác dụng quan trọng của rừng đầu nguồn là

- A. điều hòa nguồn nước, giảm tác hại của lũ.
- B. chắn gió và cát bay.
- C. cung cấp gỗ và xuất khẩu.
- D. chắn sóng và sạt lở bờ biển.

**Câu 71:** Cho biểu đồ về GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2005 – 2019:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Tốc độ tăng trưởng GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta.
- B. Chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta.
- C. Thay đổi quy mô GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta.
- D. Quy mô, cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta.

**Câu 72:** Cho bảng số liệu:

**CƠ CẤU LAO ĐỘNG THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC TA NĂM 2005 VÀ NĂM 2020**

(Đơn vị: %)

| Năm  | Nông, lâm, thủy sản | Công nghiệp và xây dựng | Dịch vụ |
|------|---------------------|-------------------------|---------|
| 2005 | 57,2                | 18,2                    | 24,6    |
| 2020 | 33,1                | 30,8                    | 36,1    |

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê 2021)

Để thể hiện cơ cấu lao động đang làm việc phân theo ngành kinh tế của nước ta năm 2005 và năm 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ cột. B. Biểu đồ tròn.  
C. Biểu đồ đường. D. Biểu đồ miền.

**Câu 73:** Xu hướng chuyển dịch cơ cấu thành phần kinh tế của hoạt động nội thương ở nước ta là

- A. tăng tỉ trọng khu vực nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
B. tăng tỉ trọng khu vực ngoài nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.  
C. tăng tỉ trọng khu vực nhà nước, giảm tỉ trọng khu vực ngoài nhà nước.  
D. giảm tỉ trọng khu vực nhà nước và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

**Câu 74:** Điều **không** phải là biện pháp hiệu quả để hạn chế nạn chặt phá rừng bừa bãi ở Tây Nguyên?

- A. Cần đẩy mạnh hơn nữa việc khai thác và xuất khẩu gỗ tròn.  
B. Khai thác rừng hợp lý đi đôi với khoanh nuôi, trồng rừng mới.  
C. Đẩy mạnh công tác giao đất giao rừng để người dân quản lí.  
D. Cần đẩy mạnh hơn nữa việc chế biến gỗ tại các địa phương.

**Câu 75:** Hạn chế chủ yếu trong sử dụng hợp lí và cải tạo tự nhiên ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. phần lớn diện tích là đất phèn, đất mặn; có một mùa khô sâu sắc.  
B. sông ngòi, kênh rạch chằng chịt; bề mặt đồng bằng bị cắt xẻ lớn.  
C. một số loại đất thiếu dinh dưỡng hoặc quá chặt, khó thoát nước.  
D. địa hình thấp, lũ kéo dài, có các vùng đất rộng lớn bị ngập sâu.

**Câu 76:** Việc nuôi thủy sản nước lợ, nước mặn phát triển khá mạnh ở Bắc Trung Bộ đang làm

- A. thay đổi cơ cấu kinh tế của vùng.  
B. thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển.  
C. thay đổi cơ cấu lao động trong vùng.  
D. thay đổi bộ mặt kinh tế nông thôn trong vùng.

**Câu 77:** Mùa đông ở vùng núi Đông Bắc đến sớm và kết thúc muộn hơn so với vùng núi Tây Bắc là do

- A. Đông Bắc có các cánh cung mở rộng ở phía Bắc và phía Đông.  
B. Đông Bắc có vĩ độ cao hơn Tây Bắc.  
C. Đông Bắc có địa hình chủ yếu là đồi núi thấp.  
D. Đông Bắc có địa hình thấp hơn Tây Bắc.

**Câu 78:** Việc phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Đồng bằng sông Hồng chủ yếu nhằm

- A. đáp ứng nhu cầu thị trường và tạo ra nhiều lợi nhuận.  
B. tăng chất lượng nông phẩm, tạo mô hình sản xuất mới.  
C. thúc đẩy phân hóa lãnh thổ, khai thác hợp lý tự nhiên.  
D. đẩy mạnh sản xuất chuyên môn hóa, tạo ra việc làm.

**Câu 79:** Vấn đề có ý nghĩa cấp bách trong việc phát triển nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.  
B. giảm việc khai thác để duy trì trữ lượng thủy sản.  
C. dừng khai thác ven bờ để tập trung đánh bắt xa bờ.  
D. hạn chế nuôi trồng để bảo vệ môi trường ven biển.

**Câu 80:** Cây ăn quả, cây dược liệu ở Trung du và miền núi Bắc Bộ hiện nay phát triển theo hướng tập trung do tác động chủ yếu của

- A. công nghiệp chế biến, hình thành các thể tổng hợp nông nghiệp.  
B. sản xuất theo hướng hàng hóa, nhu cầu tăng cao của thị trường.  
C. việc hình thành vùng chuyên canh, nhu cầu lớn cho xuất khẩu.  
D. ứng dụng khoa học kỹ thuật, giải quyết việc làm cho người dân.

-----HẾT-----

| Câu | Đ/a | Câu | Đ/a | Câu | Đ/a | Câu | Đ/a |
|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|-----|
| 41  | B   | 51  | C   | 61  | C   | 71  | B   |
| 42  | D   | 52  | D   | 62  | B   | 72  | B   |
| 43  | A   | 53  | C   | 63  | C   | 73  | B   |
| 44  | D   | 54  | D   | 64  | D   | 74  | A   |
| 45  | D   | 55  | C   | 65  | C   | 75  | A   |
| 46  | A   | 56  | A   | 66  | D   | 76  | B   |
| 47  | D   | 57  | A   | 67  | A   | 77  | A   |
| 48  | C   | 58  | D   | 68  | A   | 78  | A   |
| 49  | B   | 59  | A   | 69  | A   | 79  | A   |
| 50  | B   | 60  | B   | 70  | A   | 80  | B   |